

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 850/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 9 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Nga.
- Ông Võ Hoàng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án Hôn nhân gia đình và người chưa thành niên thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 319/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 442/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 369/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1973.

Nơi cư trú: A4/118 ấp N, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1973.

Nơi cư trú: A1/12A ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại các phiên hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn N bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1995, có tổ chức đám cưới, do mai mối mới quen biết nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình

Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/7/1995. Hai bên chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, quá trình chung sống thường xuyên cãi nhau, ông N có hành vi đánh Bà T. Bà T và ông N ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống nên Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Bà và ông N có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Minh S (giới tính nam) sinh ngày 23/11/1995 (đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung: Bà T khai không có.

4. Về nợ chung: Bà T khai không có.

Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim T nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn N hiện đang cư trú tại A1/12A ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông Nguyễn Văn N đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông N vẫn vắng mặt; Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, Bà T theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của Bà T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 1995 do Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/07/1995 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn N là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Bà T yêu cầu được ly hôn với ông N để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của Bà T hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của Bà T thì quan hệ vợ chồng của Bà T và ông N đã phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu, nguyên nhân không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do vợ chồng không còn tiếng nói chung nên Bà T và ông N đã sống ly thân từ năm 2019 nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà T và ông N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại kết quả xác minh nơi cư trú ngày 09/6/2023 của Công an xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh xác nhận ông N đang thực tế sinh sống tại địa chỉ A1/12A ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mặt khác, do ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông N không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà T đối với ông N.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T xác nhận bà và ông N chung sống với nhau có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Minh S (giới tính nam) sinh ngày 23/11/1995, đã trưởng thành do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do Bà T khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết còn ông N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Nguyễn Văn N.

Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 1995 do Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/7/1995 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Minh S (giới tính nam) sinh ngày 23/11/1995, đã trưởng thành do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho ông N, Bà T bằng một vụ án khác nếu ông bà có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Bà T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0042991 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM (1);
- VKSND H.BC (2);
- Chi cục THADS.HBC (1);
- Các đương sự (4);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Sơn

